

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 31
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nam Dược là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003831 đăng ký lần đầu ngày 04/03/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 09 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101452595 ngày 25/12/2013.

Trụ sở chính của Công ty tại lô A7/D21, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lã Xuân Hạnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Giang	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Minh Châu	Thành viên
Ông Lê Văn Sản	Thành viên
Bà Dương Thị Lan	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Châu	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Sản	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thị Nga	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Phạm Thành Đạt	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Nam Dược

Lô A7/D21, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

* **TM. Ban Tổng Giám đốc**



Hoàng Minh Châu

Số: 250319.010/BCTC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nam Dược**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Dược được lập ngày 25 tháng 03 năm 2019, từ trang 6 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Tại thời điểm 31/12/2017 và 31/12/2018, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam và đầu tư dài hạn khác tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013. Nếu Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo đúng quy định nêu trên thì chỉ tiêu "Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn" và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2017 và tại ngày 31/12/2018 sẽ giảm đi với cùng số tiền là 1,255 tỷ đồng.
- Do không xác định riêng được giá trị của quyền sử dụng đất và giá trị của nhà cửa, tài sản khác gắn liền với đất mua trong năm theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 006200 ngày 04/06/2018 nên Công ty đang theo dõi toàn bộ giá trị nhận chuyển nhượng này trên khoản mục "Tài sản cố định vô hình" với tổng số tiền là 25.000.000.000 VND. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nam Dược tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo về vấn đề sau:

Các giao dịch với các bên liên quan trong năm chưa được phê duyệt theo đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 162, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Điều 26, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (chi tiết Thuyết minh số 32).

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
HÀNG KIỂM TOÁN
AASC


Phạm Anh Tuấn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 0777-2018-002-1

Kiểm toán viên



Nguyễn Diệu Trang

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 0938-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		22.955.475.407	34.047.630.329
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.157.704.238	7.896.924.987
111 1. Tiền		4.157.704.238	5.396.924.987
112 2. Các khoản tương đương tiền		-	2.500.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		14.415.398.184	22.914.839.455
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	11.038.630.084	18.511.381.516
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.255.193.100	4.232.429.661
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	7	121.575.000	171.028.278
140 IV. Hàng tồn kho	8	4.252.670.947	1.778.177.219
141 1. Hàng tồn kho		4.252.670.947	1.778.177.219
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		129.702.038	1.457.688.668
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	129.702.038	241.363.584
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	932.604.305
153 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	-	283.720.779
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		160.252.526.994	105.000.440.605
220 II. Tài sản cố định		110.644.831.623	72.993.843.560
221 1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.928.898.694	2.649.115.187
222 - Nguyên giá		6.815.971.068	6.815.971.068
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(4.887.072.374)	(4.166.855.881)
227 2. Tài sản cố định vô hình	11	108.715.932.929	70.344.728.373
228 - Nguyên giá		109.037.114.587	70.467.625.869
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(321.181.658)	(122.897.496)
240 IV. Tài sản dở dang dài hạn		13.076.820.253	331.446.159
242 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	13.076.820.253	331.446.159
250 V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	36.255.000.000	31.255.000.000
251 1. Đầu tư vào công ty con		36.000.000.000	31.000.000.000
253 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		255.000.000	255.000.000
260 VI. Tài sản dài hạn khác		275.875.118	420.150.886
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	12	275.875.118	420.150.886
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		183.208.002.401	139.048.070.934

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		58.619.885.133	50.700.088.499
310 I. Nợ ngắn hạn		43.619.885.133	29.700.088.499
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	24.944.044.799	14.219.861.911
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		198.596.013	307.000
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	224.707.000	-
314 4. Phải trả người lao động		9.159.342.081	7.708.287.827
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.381.508.520	196.018.338
319 6. Phải trả ngắn hạn khác	17	1.639.974.173	1.503.900.876
320 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	6.000.000.000	6.000.000.000
322 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		71.712.547	71.712.547
330 II. Nợ dài hạn		15.000.000.000	21.000.000.000
338 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	15.000.000.000	21.000.000.000
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		124.588.117.268	88.347.982.435
410 I. Vốn chủ sở hữu	18	124.588.117.268	88.347.982.435
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		56.800.000.000	56.800.000.000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		56.800.000.000	56.800.000.000
421 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		67.788.117.268	31.547.982.435
421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		16.361.150.235	16.306.427.560
421b - LNST chưa phân phối năm nay		51.426.967.033	15.241.554.875
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		183.208.002.401	139.048.070.934

Người lập biểu



Nguyễn Thị Cảnh

Kế toán trưởng



Trần Thị Anh Đức

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019



Hoàng Minh Châu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2018

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	257.234.693.034	201.807.527.873
02 2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	3.418.147.472	1.457.071.225
10 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		253.816.545.562	200.350.456.648
11 4. Giá vốn hàng bán	21	123.664.258.854	99.026.661.700
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		130.152.286.708	101.323.794.948
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	50.065.153.089	15.105.817.844
22 7. Chi phí tài chính	23	2.200.684.933	1.635.945.205
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay		2.200.684.933	1.635.945.205
25 8. Chi phí bán hàng	24	104.730.199.269	81.705.915.365
26 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21.293.639.230	17.755.376.928
30 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		51.992.916.365	15.332.375.294
31 11. Thu nhập khác		6.617.812	46.050.482
32 12. Chi phí khác	26	172.660.309	28.164.806
40 13. Lợi nhuận khác		(166.042.497)	17.885.676
50 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		51.826.873.868	15.350.260.970
51 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	399.906.835	108.706.095
60 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>51.426.967.033</u>	<u>15.241.554.875</u>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Cảnh

Kế toán trưởng

Trần Thị Anh Đức

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Châu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	51.826.873.868	15.350.260.970
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	918.500.655	835.439.487
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(50.065.153.089)	(15.145.817.844)
06	- Chi phí lãi vay	2.200.684.933	1.635.945.205
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	4.880.906.367	2.675.827.818
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	8.254.298.204	(7.773.403.371)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	(2.474.493.728)	2.912.261.283
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	12.356.363.245	8.545.385.111
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	255.937.314	307.422.661
14	- Tiền lãi vay đã trả	(2.205.123.290)	(1.615.972.602)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(68.833.889)	(33.350.937)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(3.826.832.200)	(2.039.167.900)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	17.172.222.023	2.979.002.063
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(48.861.156.139)	(64.519.279.778)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	40.000.000
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(5.000.000.000)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	50.076.993.367	50.093.977.566
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(3.784.162.772)	(14.385.302.212)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu đi vay	-	30.000.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	(6.000.000.000)	(3.000.000.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(11.127.280.000)	(11.246.680.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(17.127.280.000)	15.753.320.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(3.739.220.749)	4.347.019.851

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
60 Tiền và tương đương tiền đầu năm		7.896.924.987	3.549.905.136
70 Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>4.157.704.238</u>	<u>7.896.924.987</u>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Cảnh

Kế toán trưởng

Trần Thị Anh Đức

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Châu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2018

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Dược là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003831 đăng ký lần đầu ngày 04/03/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 09 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101452595 ngày 25/12/2013.

Trụ sở chính của Công ty tại lô A7/D21, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 56.800.000.000 VND (*Năm mươi sáu tỷ, tám trăm triệu đồng*), tương đương 5.680.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm 2018, Công ty phân phối thêm một số sản phẩm mới, đồng thời tăng giá bán và sản lượng hàng bán ra của các sản phẩm cũ. Điều này dẫn tới lợi nhuận gộp từ bán hàng năm nay tăng 28,5% so với năm trước. Mặt khác, Công ty cũng tăng cường hoạt động quảng cáo sản phẩm dẫn tới Chi phí bán hàng tăng mạnh so với năm trước. Bên cạnh đó, theo kế hoạch phân phối lợi nhuận của các Công ty con, số cổ tức Công ty nhận được trong năm 2018 tăng mạnh so với năm 2017. Những vấn đề trên đã dẫn tới tổng lợi nhuận trước thuế năm 2018 tăng so với năm trước.

Thông tin về các công ty con của Công ty: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013, cụ thể như sau:

- *Đối với các khoản đầu tư vào công ty con*: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- *Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư*: căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.7 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	05 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm
- Phần mềm máy vi tính	03 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và không trích khấu hao.

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

5 - C
TY
HUU
MT
SC
M -

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả, chi phí lãi vay và các khoản chi phí phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo, và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phát sinh trong năm là chi phí lãi vay. Chi phí này được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ thu nhập tính thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là mua bán thuốc, dược phẩm và chi phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	483.567.333	143.277.428
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.674.136.905	5.253.647.559
Các khoản tương đương tiền	-	2.500.000.000
	4.157.704.238	7.896.924.987

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	36.000.000.000	-	31.000.000.000	-
- Công ty TNHH Nam Dược	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung (*)	5.000.000.000	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	255.000.000	-	255.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược	255.000.000	-	255.000.000	-
	36.255.000.000	-	31.255.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư vào công ty con:

(*) Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung là công ty con 100% vốn của Công ty, được thành lập theo Nghị quyết số 07A/2018/NQ-HĐQT ngày 10/12/2018 của Hội đồng quản trị. Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0401943883 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 18/12/2018, có trụ sở tại Lô 1424, khu dân cư Tây Nam Hòa Cường, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2018 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Nam Dược	Nam Định	100%	100%	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh dược phẩm
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung	Đà Nẵng	100%	100%	Kinh doanh dược phẩm

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty con trong năm: Xem Thuyết minh 32.

Đầu tư vào đơn vị khác

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược đã tạm ngừng hoạt động và đóng mã số thuế từ ngày 21/09/2006 nhưng chưa hoàn tất các thủ tục giải thể.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	7.200.882.224	-	13.923.024.515	-
- Các đối tượng khác	3.837.747.860	-	4.588.357.001	-
	11.038.630.084	-	18.511.381.516	-
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	7.200.882.224	-	13.923.024.515	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Xây lắp Công nghiệp Thực phẩm	-	-	3.954.000.000	-
- Công ty Cổ phần Phước Đại Nam	737.317.333	-	-	-
- Công ty Cổ phần Mecooltech	1.416.827.994	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Kỹ thuật Uy Việt	400.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Việt Hưng Khánh	221.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	480.047.773	-	278.429.661	-
	3.255.193.100	-	4.232.429.661	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	110.199.000	-	149.188.000	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-
Dự thu lãi tiền gửi	-	-	11.840.278	-
Phải thu khác	1.376.000	-	-	-
	121.575.000	-	171.028.278	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	27.692.793	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	112.874.014	-	74.716.364	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	74.025.499	-	-	-
Hàng hóa	4.038.078.641	-	1.703.460.855	-
	4.252.670.947	-	1.778.177.219	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Mua sắm	728.181.818	236.215.250
- Phần mềm quản lý hệ thống phân phối SALESUP	-	10.055.250
- Phần mềm kế toán	-	226.160.000
- Thang máy Tòa nhà Trụ sở Văn phòng Công ty tại Hà Nội (i)	728.181.818	-
Xây dựng cơ bản	12.348.638.435	95.230.909
- Công trình Trụ sở Văn phòng Công ty tại Hà Nội (i)	10.453.387.660	95.230.909
- Công trình Trụ sở Văn phòng Công ty tại Đà Nẵng (ii)	1.895.250.775	-
	13.076.820.253	331.446.159

(i) Công trình Trụ sở Văn phòng Công ty Cổ phần Nam Dược tại Lô A2 + A4, Ô D7, Trương Công Giai, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội. Tổng mức đầu tư dự toán là 19.461.691.000 VND. Hạng mục chính của công trình gồm phần xây dựng; hệ thống cấp điện nặng, điện nhẹ; hệ thống cấp thoát nước được giao cho nhà thầu là Công ty Cổ phần Xây lắp Công nghiệp Thực phẩm theo Hợp đồng số 2109/2017/HĐXL/ND ngày 21/09/2017. Công trình được khởi công từ ngày 25/09/2017; thời gian thi công dự kiến là 270 ngày kể từ ngày khởi công. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này, công trình Trụ sở Văn phòng chưa được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.

(ii) Công trình Trụ sở Văn phòng của Công ty tại Lô 1424, khu dân cư Tây Nam Hòa Cường, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng với tổng mức đầu tư xây dựng dự toán là 4.375.324.520 VND. Các hạng mục chính của công trình gồm phần xây dựng; điện, nước thô và phần hoàn thiện được giao cho Công ty Cổ phần Phước Đại Nam theo Hợp đồng số 05/HĐXD-PDN/2018 ngày 07/10/2018. Mục đích xây dựng công trình này là làm Trụ sở Văn phòng của Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung - công ty con mới thành lập trong năm 2018 của Công ty (Xem thêm Thuyết minh số 11). Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này, công trình này đã hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	966.402.000	5.435.812.454	413.756.614	6.815.971.068
Số dư cuối năm	966.402.000	5.435.812.454	413.756.614	6.815.971.068
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	399.558.048	3.448.534.586	318.763.247	4.166.855.881
- Khấu hao trong năm	139.333.658	541.681.824	39.201.011	720.216.493
- Phân loại lại trong năm	(9.437.075)	(6.910.780)	16.347.855	-
Số dư cuối năm	529.454.631	3.983.305.630	374.312.113	4.887.072.374
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	566.843.952	1.987.277.868	94.993.367	2.649.115.187
Tại ngày cuối năm	436.947.369	1.452.506.824	39.444.501	1.928.898.694

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.123.350.705 VND.

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu năm (ii)	70.098.933.369	368.692.500	70.467.625.869
- Mua trong năm (i)	38.343.328.718	226.160.000	38.569.488.718
Số dư cuối năm	108.442.262.087	594.852.500	109.037.114.587
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	122.897.496	122.897.496
- Khấu hao trong năm	-	198.284.162	198.284.162
Số dư cuối năm	-	321.181.658	321.181.658
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	70.098.933.369	245.795.004	70.344.728.373
Tại ngày cuối năm	108.442.262.087	273.670.842	108.715.932.929

(i) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất mua trong năm bao gồm:

- Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng từ ông Lê Văn Tuyết và bà Võ Thị Thu Sương (bên chuyển nhượng) theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký giữa bên chuyển nhượng và Công ty Cổ phần Nam Dược do ông Hoàng Minh Châu - Tổng Giám đốc ký duyệt, được phê duyệt theo Nghị quyết số 03A/2018/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 23/04/2018. Đối tượng chuyển nhượng của hợp đồng là toàn bộ quyền sử dụng đất tại địa chỉ Lô 1424, khu dân cư Tây Nam Hòa Cường, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 920188 do Ủy ban nhân dân quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng cấp ngày 22/05/2007. Tổng giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Hợp đồng trên là 12.717.948.718 VND (bao gồm tất cả các loại thuế, phí). Tiền phí cấp lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất theo hợp đồng chuyển nhượng này là 380.000 VND. Quyền sử dụng đất này được sử dụng để xây dựng Trụ sở Văn phòng làm việc của Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung - công ty con của Công ty theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

- Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng từ bà Phạm Hồng Nhung (bên chuyển nhượng) theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 006200 ngày 04/06/2018 ký giữa bên chuyển nhượng và Công ty Cổ phần Nam Dược do ông Hoàng Minh Châu - Tổng Giám đốc ký duyệt, được phê duyệt theo Nghị quyết số 04A/2018/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 25/05/2018. Đối tượng chuyển nhượng của hợp đồng là toàn bộ quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ U23 Bạch Mã, phường 15, quận 10, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 829288 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 29/07/2013. Tổng giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng trên là 25.000.000.000 VND (chưa bao gồm tất cả các loại thuế, phí). Tổng tiền thuế, phí, lệ phí liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng này là 625.000.000 VND.

Do không xác định riêng được giá trị của quyền sử dụng đất và giá trị của nhà cửa, tài sản khác gắn liền với đất nên Công ty hạch toán, theo dõi toàn bộ giá trị nhận chuyển nhượng trên khoản mục "Tài sản cố định vô hình". Tài sản này hiện đang được sử dụng làm Trụ sở Văn phòng Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam - công ty con của Công ty.

(ii) Quyền sử dụng đất tại thời điểm đầu năm là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty tại Lô A4 và Lô A2, ô D7, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội. Quyền sử dụng đất này đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Định theo hợp đồng tín dụng số NAD.DN.145.240417 ngày 27/04/2017 (Xem Thuyết minh số 13). Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 70.098.933.369 VND.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí làm biển quảng cáo	5.280.008	75.007.152
Phí bảo hiểm xe ô tô	21.280.302	22.356.062
Phí duy trì tên miền	36.419.916	51.454.831
Các khoản khác	66.721.812	92.545.539
	129.702.038	241.363.584
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	159.974.036	225.083.168
Chi phí xây dựng chiến lược kinh doanh và hệ thống quản lý nhân sự	-	16.414.156
Chi phí thiết kế website	13.333.328	45.803.332
Chi phí sửa chữa phụ tùng xe Mercedes	-	38.730.230
Các khoản khác	102.567.754	94.120.000
	275.875.118	420.150.886

13 . VAY

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Định (*)	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Định (*)	27.000.000.000	27.000.000.000	-	6.000.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000
	27.000.000.000	27.000.000.000	-	6.000.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	21.000.000.000	21.000.000.000			15.000.000.000	15.000.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn:

(*) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Định theo hợp đồng tín dụng số NAD.DN.145.240417 ngày 27/04/2017 với số tiền vay là 30.000.000.000 VND. Khoản vay được sử dụng cho việc đầu tư mua hai lô đất (Lô A4, ô D7 và Lô A2, ô D7) tại khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội để xây dựng Trụ sở Văn phòng Công ty Cổ phần Nam Dược. Thời hạn vay là 05 năm (từ ngày 28/04/2017 đến ngày 27/04/2022); nợ gốc thanh toán trong vòng 10 kỳ, mỗi kỳ 06 tháng kể từ ngày nhận được khoản giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay trong 06 tháng đầu là 8%/ năm, 12 tháng tiếp theo là 9%/ năm, sau đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm lĩnh lãi cuối kỳ có kỳ hạn 13 tháng tại thời điểm xác định lãi suất cộng thêm (+) 2,5%/ năm. Tài sản đảm bảo của khoản vay chính là hai lô đất trên với tổng giá trị tại ngày 31/12/2018 là 70.098.933.369 VND.

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	1.277.752.416	1.146.120.011	-	131.632.405
Thuế thu nhập doanh nghiệp	270.773.200	-	399.906.835	68.833.889	-	60.299.746
Thuế thu nhập cá nhân	12.947.579	-	2.718.953.613	2.673.231.185	-	32.774.849
Các loại thuế khác	-	-	6.843.318	6.843.318	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	283.720.779	-	4.407.456.182	3.899.028.403	-	224.707.000

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Nam Dược	13.167.634.176	13.167.634.176	2.543.621.758	2.543.621.758
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Truyền thông Ánh Dương	2.539.284.000	2.539.284.000	5.216.980.000	5.216.980.000
- Công ty TNHH Quảng cáo Thương mại Sen Vàng	106.848.000	106.848.000	3.024.765.000	3.024.765.000
- Công ty TNHH Truyền thông Ruby Việt Nam	3.504.401.000	3.504.401.000	-	-
- Các đối tượng khác	5.625.877.623	5.625.877.623	3.434.495.153	3.434.495.153
	24.944.044.799	24.944.044.799	14.219.861.911	14.219.861.911
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	13.167.634.176	13.167.634.176	2.543.621.758	2.543.621.758

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí phụ trách chuyên môn của ông Hoàng Minh Châu	33.000.000	66.000.000
Chi phí cước viễn thông	33.634.369	38.903.716
Chi phí lãi vay	15.534.246	19.972.603
Trích trước chi phí chiết khấu thương mại quý 4/2018	1.181.028.569	-
Chi phí phải trả khác	118.311.336	71.142.019
	1.381.508.520	196.018.338

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	174.173	174.173
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	735.000.000	689.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	904.800.000	672.080.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	142.646.703
	1.639.974.173	1.503.900.876

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	56.800.000.000	29.705.595.460	86.505.595.460
Lãi trong năm trước	-	15.241.554.875	15.241.554.875
Phân phối lợi nhuận	-	(13.399.167.900)	(13.399.167.900)
Số dư cuối năm trước	56.800.000.000	31.547.982.435	88.347.982.435
Lãi trong năm nay	-	+ 51.426.967.033	51.426.967.033
Phân phối lợi nhuận (*)	-	(15.186.832.200)	(15.186.832.200)
Số dư cuối năm	56.800.000.000	67.788.117.268	124.588.117.268

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 04 năm 2018, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

	Số tiền VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.913.416.100
- Trích thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	1.913.416.100
- Chi trả cổ tức năm 2017 với tỷ lệ 20% trên vốn điều lệ (tương ứng mỗi cổ phần nhận 2.000 VND)	11.360.000.000
	15.186.832.200

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2018 VND	Tỷ lệ %	01/01/2018 VND	Tỷ lệ %
Bà Dương Thị Sáu	14.174.500.000	24,96	14.174.500.000	24,96
Bà Dương Thị Lan	3.820.000.000	6,73	3.820.000.000	6,73
Ông Nguyễn Văn Giang	3.220.000.000	5,67	3.220.000.000	5,67
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Trancorp	2.831.000.000	4,98	2.831.000.000	4,98
Bà Dương Thị Hà	4.377.200.000	7,71	-	-
Các cổ đông khác	28.377.300.000	49,95	32.754.500.000	57,66
	56.800.000.000	100,00	56.800.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	56.800.000.000	56.800.000.000
- Vốn góp cuối năm	56.800.000.000	56.800.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	672.080.000	558.760.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	11.360.000.000	11.360.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>11.360.000.000</i>	<i>11.360.000.000</i>
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	11.127.280.000	11.246.680.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>11.127.280.000</i>	<i>11.246.680.000</i>
- Số dư cuối năm	+ 904.800.000	672.080.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.680.000	5.680.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.680.000	5.680.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.680.000</i>	<i>5.680.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.680.000	5.680.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.680.000</i>	<i>5.680.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng hóa	257.234.693.034	201.807.527.873
	257.234.693.034	201.807.527.873
Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)</i>	102.828.595.500	88.544.844.347

20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Chiết khấu thương mại	2.256.555.848	-
Hàng bán bị trả lại	1.161.591.624	1.457.071.225
	3.418.147.472	1.457.071.225

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	123.664.258.854	99.026.661.700
	123.664.258.854	99.026.661.700

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	65.153.089	105.817.844
Cổ tức, lợi nhuận được chia	50.000.000.000	15.000.000.000
	50.065.153.089	15.105.817.844
Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)</i>	50.000.000.000	15.000.000.000

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	2.200.684.933	1.635.945.205
	2.200.684.933	1.635.945.205

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	982.254.720	543.516.078
Chi phí nhân công	25.843.994.684	21.048.057.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	255.674.330	245.849.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.648.275.535	59.856.128.487
Chi phí khác bằng tiền	-	12.363.640
	104.730.199.269	81.705.915.365

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	564.345.140	552.864.591
Chi phí nhân công	12.947.272.185	10.971.834.347
Chi phí khấu hao tài sản cố định	662.826.325	589.589.927
Thuế, phí và lệ phí	53.348.318	41.580.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.443.857.634	5.090.272.437
Chi phí khác bằng tiền	621.989.628	509.235.626
	21.293.639.230	17.755.376.928

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018 ^{tt}	Năm 2017
	VND	VND
Phạt vi phạm hành chính về thuế và phạt chậm nộp	137.660.309	26.514.820
Phạt về vi phạm quy định xử lý chất thải rắn thông thường	35.000.000	-
Các khoản khác	-	1.649.986
	172.660.309	28.164.806

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	51.826.873.868	15.350.260.970
Các khoản điều chỉnh tăng	172.660.309	26.514.820
- <i>Phạt vi phạm hành chính về thuế và phạt chậm nộp</i>	137.660.309	26.514.820
- <i>Phạt về vi phạm quy định xử lý chất thải rắn thông thường</i>	35.000.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(50.000.000.000)	(15.000.000.000)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(50.000.000.000)	(15.000.000.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.999.534.177	376.775.790
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	399.906.835	75.355.158
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	33.350.937
Thuế TNDN phải thu đầu năm	(270.773.200)	(346.128.358)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(68.833.889)	(33.350.937)
Thuế TNDN (phải thu)/phải nộp cuối năm	60.299.746	(270.773.200)

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.546.599.860	1.096.380.669
Chi phí nhân công	38.791.266.869	32.019.891.947
Chi phí khấu hao tài sản cố định	918.500.655	835.439.487
Chi phí dịch vụ mua ngoài	84.092.133.169	64.946.400.924
Chi phí khác bằng tiền	675.337.946	563.179.266
	126.023.838.499	99.461.292.293

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.157.704.238	-	7.896.924.987	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	11.160.205.084	-	18.682.409.794	-
	15.317.909.322	-	26.579.334.781	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	21.000.000.000	27.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	26.584.018.972	15.723.762.787
Chi phí phải trả	1.381.508.520	196.018.338
	48.965.527.492	42.919.781.125

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và tương đương tiền	4.157.704.238	-	-	4.157.704.238
Phải thu khách hàng, phải thu khác	11.160.205.084	-	-	11.160.205.084
	15.317.909.322	-	-	15.317.909.322
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và tương đương tiền	7.896.924.987	-	-	7.896.924.987
Phải thu khách hàng, phải thu khác	18.682.409.794	-	-	18.682.409.794
	26.579.334.781	-	-	26.579.334.781

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	6.000.000.000	15.000.000.000	-	21.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	26.584.018.972	-	-	26.584.018.972
Chi phí phải trả	1.381.508.520	-	-	1.381.508.520
	33.965.527.492	15.000.000.000	-	48.965.527.492
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	6.000.000.000	21.000.000.000	-	27.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	15.723.762.787	-	-	15.723.762.787
Chi phí phải trả	196.018.338	-	-	196.018.338
	21.919.781.125	21.000.000.000	-	42.919.781.125

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	30.000.000.000

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	6.000.000.000	3.000.000.000

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty TNHH Nam Dược	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung	Công ty con
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	Bên liên quan khác (*)
- Ông Hoàng Minh Châu và Bà Dương Thị Sáu	Cổ đông lớn của Công ty - Vợ chồng Tổng Giám Đốc
- Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Con của bà Dương Thị Lan - Thành viên HĐQT
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

(*) Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân do Bà Dương Thị Sáu làm Giám đốc. Bà Dương Thị Sáu là cổ đông lớn và là vợ của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược.

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Mua hàng	104.376.585.272	88.060.626.284
- Công ty TNHH Nam Dược	104.376.585.272	88.060.626.284
Doanh thu thuần từ bán hàng	102.828.595.500	88.544.844.347
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam (i)	98.905.052.337	87.254.424.750
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	3.923.543.163	1.290.419.597
Thanh toán tiền mua tài sản	25.000.000.000	60.098.933.369
- Ông Hoàng Minh Châu và Bà Dương Thị Sáu	-	60.098.933.369
- Bà Phạm Thị Hồng Nhung	25.000.000.000	-
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	25.000.000.000	-
- Bà Phạm Thị Hồng Nhung	25.000.000.000	-
Thuê tài sản	-	200.000.000
- Ông Hoàng Minh Châu	-	200.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	50.000.000.000	15.000.000.000
- Công ty TNHH Nam Dược	50.000.000.000	15.000.000.000

11705
 CÔNG TY
 CHIẾM HỮU
 KIỂM TRA
 ASC
 CM - TP

- (i) Giao dịch được thực hiện dựa trên Hợp đồng nguyên tắc ký hàng năm, Quyết định giá bán và mức chiết khấu áp dụng cho từng thời kỳ do Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt mà chưa được thông qua Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 162, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Điều 26, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Tỷ lệ lãi gộp/doanh thu bán hàng cho Công ty con trong năm 2018 là 42%.

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.200.882.224	13.923.024.515
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	7.200.882.224	13.923.024.515
Phải trả người bán ngắn hạn	13.167.634.176	2.543.621.758
- Công ty TNHH Nam Dược	13.167.634.176	2.543.621.758
Người mua trả tiền trước	198.443.000	-
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	198.443.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
- Thu nhập của Tổng Giám đốc	1.624.574.570	1.191.481.834
- Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	3.438.084.361	1.558.038.908

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Cảnh

Kế toán trưởng



Trần Thị Anh Đức

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
NAM DƯỢC



Hoàng Minh Châu